

Số: 130 /TB-ĐHTDM-HĐTSDH

Bình Dương, ngày 18 tháng 7 năm 2024

## THÔNG BÁO

**Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) nhận hồ sơ xét tuyển bằng kết quả thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 theo tổ hợp môn vào hệ đại học chính quy năm 2024**

**Tên trường:** Trường Đại học Thủ Dầu Một

**Mã trường:** TDM

**Loại hình trường:** Công lập (đa ngành)

- Mã phương thức tuyển sinh:** 100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT.
- Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và có kết quả thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024.
- Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.
- Chỉ tiêu tuyển sinh:** 30% tổng chỉ tiêu của từng ngành.
- Các ngành tuyển sinh năm 2024:** (Xem phụ lục 1)
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn nhận hồ sơ):** (Xem phụ lục 1)
- Số lượng nguyện vọng ĐKXT:** (Xem phụ lục 1)
- Nguyên tắc xét tuyển:** (Xem phụ lục 1)
- Điều kiện phụ trong xét tuyển:** (Xem phụ lục 1)
- Mức điểm ưu tiên:** (Xem phụ lục 1)
- Thời gian nhận hồ sơ, hướng dẫn nộp hồ sơ và lệ phí xét tuyển:** (Xem phụ lục 2)
- Học phí năm học 2024 – 2025 (dự kiến):** (Xem phụ lục 3).

**Địa chỉ liên hệ:**

**Trung tâm Tuyển sinh - Trường Đại học Thủ Dầu Một.**

**Địa chỉ:** Số 6 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

**Website:** <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn> **Email:** [tuyensinh@tdmu.edu.vn](mailto:tuyensinh@tdmu.edu.vn)

**Fanpage:** [www.facebook.com/dhtdm2009](http://www.facebook.com/dhtdm2009) - **Hotline:** 19009171

**Nơi nhận:**

- CT, PCT HĐT;
- HT, PHT;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TTTS.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH**

**Ngô Hồng Điệp**

**Phụ lục 1**

**Các ngành tuyển sinh năm 2024, Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn nhận hồ sơ), Số lượng nguyện vọng ĐKXT, Nguyên tắc xét tuyển, Điều kiện phụ trong xét tuyển và Mức điểm ưu tiên.**

(Kèm theo Thông báo số: 130/TB-ĐHTDM-HĐTSĐH ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một)

**1. Các ngành, tổ hợp và mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển**

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổng chỉ tiêu	Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn)
1	Du lịch	7810101	D01, D14, D15, D78	80	15
2	Thiết kế đồ họa	7210403	V00, V01, A00, D01	120	18
3	Truyền thông đa phương tiện	7320104	C00, D01, D09, V01	120	18
4	Âm nhạc	7210405	N03, M03, M06, M10	25	15
5	Luật	7380101	C14, C00, D01, A16	290	18
6	Quản lý Nhà nước	7310205	C14, C00, D01, A16	190	15
7	Quan hệ quốc tế	7310206	A00, C00, D01, D78	80	15
8	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	A00, D01, B00, B08	70	15
9	Quản lý đất đai	7850103	A00, D01, B00, B08	70	15
10	Kỹ thuật Môi trường	7520320	A00, D01, B00, B08	30	15
11	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	A00, A01, C01, D90	80	15
12	Kiến trúc	7580101	V00, V01, A00, A16	70	15
13	Quản trị Kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, A16	230	17
14	Marketing	7340115	A00, A01, D01, A16	70	18
15	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, A16	174	17
16	Kiểm toán	7340302	A00, A01, D01, A16	50	17
17	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01, D07	60	17
18	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, A16	230	17
19	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, D01, D90	200	18
20	Quản lý công nghiệp	7510601	A00, A01, C01, A16	90	15
21	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, A01, D15, D78	290	17
22	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D01, D04, A01, D78	129	18

23	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	D01, A01, D15, D78	58	18
24	Công tác Xã hội	7760101	C00, D01, C19, C15	50	15
25	Tâm lý học	7310401	C00, D01, C14, B08	70	15
26	Toán học	7460101	A00, A01, D07, A16	60	15
27	Giáo dục học	7140101	C00, D01, C14, C15	120	15
28	Công nghệ Thông tin	7480201	A00, A01, C01, D90	274	18
29	Kỹ thuật Phần mềm	7480103	A00, A01, C01, D90	70	15
30	Kỹ thuật Điện	7520201	A00, A01, C01, D90	100	15
31	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01, C01, D90	90	15
32	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	A00, A01, C01, D90	50	15
33	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, D01, D90	190	18
34	Hóa học	7440112	A00, B00, D07, A16	50	15
35	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00, A02, B00, B08	100	15
36	Công nghệ Sinh học	7420201	A00, D01, B00, B08	50	15
37	Giáo dục Tiểu học	7140202	A00, C00, D01, A16	150	Trước ngày 21/7/2024 Bộ GDĐT công bố điểm sàn nhận hồ sơ đối với các ngành đào tạo giáo viên
38	Giáo dục Mầm non	7140201	M00, M05, M07, M11	70	

### BẢNG MÃ TỔ HỢP

Mã	Tên môn tổ hợp
A00	Toán, Vật lí, Hóa học
A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
A02	Toán, Vật lí, Sinh học
A16	Toán, Ngữ văn, Khoa học Tự nhiên*
B00	Toán, Hóa học, Sinh học
B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí
C14	Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân
C15	Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội*
C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh

Mã	Tên môn tổ hợp
D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
D78	Ngữ văn, Tiếng Anh, Khoa học xã hội*
D90	Toán, Tiếng Anh, Khoa học Tự nhiên*
M00	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu
M03	Ngữ văn, Khoa học xã hội*, Năng khiếu
M05	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu
M06	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu
M07	Ngữ văn, Địa lí, Năng khiếu
M10	Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu
M11	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu
N03	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu
V00	Toán, Vật lí, Năng khiếu
V01	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu

\* Điểm bài thi **Khoa học tự nhiên** = (Vật lí + Hóa học + Sinh học)/3

\* Điểm bài thi **Khoa học xã hội** = (Lịch sử + Địa lí + GD&ĐT)/3

## 2. Đối với các tổ hợp có môn năng khiếu

Stt	Ngành	Mã tổ hợp môn	Môn thi năng khiếu
1	Giáo dục Mầm non	M00, M05, M07, M11	NK1: Hát; đọc, kể chuyện diễn cảm
2	Kiến trúc, Thiết kế Đồ họa, Truyền thông đa phương tiện	V00, V01	NK2: Vẽ tĩnh vật (vẽ bằng viết chì)
3	Âm nhạc	M03, N03, M06, M10	NK3: Hát, thắm âm, tiết tấu

Thí sinh đã dự thi năng khiếu tại Trường Đại học Thủ Dầu Một (đã tổ chức thi vào ngày 03/7/2024) hoặc dự thi năng khiếu tại các trường đại học khác, lấy kết quả nộp về Trường Đại học Thủ Dầu Một trước ngày 28/7/2024.

**3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn):** Thí sinh có tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có) theo thang điểm 30 bằng hoặc cao hơn mức điểm của Trường công bố tại mục 1 phụ lục 1 của thông báo này là đủ điều kiện nộp hồ sơ ĐKXT.

**Lưu ý:** Riêng đối với ngành **Giáo dục Mầm non**, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) được tính theo công thức sau: *Tổng điểm hai môn thi (môn thi của kỳ thi THPT) + (điểm ưu tiên khu vực, đối tượng) \* 2/3 (làm tròn đến 2 chữ số thập phân), tối thiểu bằng ngưỡng ba môn thi \* 2/3 (làm tròn đến 2 chữ số thập phân).*

**4. Số lượng nguyện vọng ĐKXT:** Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, nhiều trường khác nhau không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

**5. Nguyên tắc xét tuyển:** Điểm trúng tuyển được xét theo từng ngành, xét kết quả từ cao xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu. Điểm trúng tuyển là tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có) theo thang điểm 30, không nhân hệ số. Thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.

**6. Điều kiện phụ trong xét tuyển:** Trong trường hợp có nhiều thí sinh trúng tuyển hơn chỉ tiêu của ngành theo quy định, thì sử dụng tiêu chí phụ là xét trúng tuyển theo kết quả môn Toán (nếu là tổ hợp bài/môn thi có môn Toán), môn Ngữ văn (nếu là tổ hợp bài/môn thi có môn Ngữ văn) và môn Toán (nếu là tổ hợp bài/môn thi có môn Toán và Ngữ văn) từ cao xuống cho đến đủ chỉ tiêu.

**7. Mức điểm ưu tiên:** Điểm ưu tiên là mức điểm được cộng thêm vào tổng điểm thực tế của thí sinh khi tham gia xét tuyển. Có 2 loại điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT là điểm ưu tiên khu vực và điểm ưu tiên đối tượng.

ĐIỂM ĐƯỢC CỘNG CHO PHƯƠNG THỨC	ĐIỂM KHU VỰC				ĐIỂM ĐỐI TƯỢNG	
	KV1	KV2-NT	KV2	KV3	01 - 04	05 - 07
Xét điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT	0,75	0,5	0,25	0	2	1

## 8. Quy định của Bộ GD&ĐT về hưởng chính sách ưu tiên

- Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại mục 7 phụ lục 1 này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

- Thí sinh được hưởng chính sách **ưu tiên khu vực** theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp. (thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 và năm 2023 mới được tính điểm ưu tiên khu vực, còn các năm khác không được tính)

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh **đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên** (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

*Điểm ưu tiên* =  $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định mục 7 phụ lục 1}$

**PHỤ LỤC 2**

**Thời gian nộp hồ sơ và hướng dẫn nộp hồ sơ**

(Kèm theo Thông báo số: 130 /TB-ĐHTDM-HĐTSDH ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một)

- 1. Thời gian đăng ký nguyện vọng:** Từ ngày 18/7/2024 đến 17h00 ngày 30/7/2024.
- 2. Cách thức đăng ký nguyện vọng:** Thí sinh truy cập vào tài khoản đã được cấp tại: <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> để thực hiện đăng ký nguyện vọng.
- 3. Nộp lệ phí xét tuyển:** Từ ngày 31/7/2024 đến 17h00 ngày 06/8/2024 thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng NVXT bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GDĐT trên hệ thống đăng ký nguyện vọng.
- 4. Thời gian công bố kết quả trúng tuyển:** Trước 17h00 ngày 19/8/2024 Trường đại học Thủ Dầu Một công bố kết quả trúng tuyển tại: website <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn>. Thí sinh trúng tuyển Nhà trường sẽ thông báo bằng tin nhắn SMS tới số điện thoại mà thí sinh đã đăng ký.
- 5. Thời gian nhận “Giấy báo trúng tuyển”:** Thí sinh sẽ nhận trực tiếp tại Trường khi đến làm thủ tục nhập học.
- 6. Thời gian nhập học:** Từ ngày 23/8/2024 đến 17h00 ngày 27/8/2024.
- 7. Hồ sơ và thủ tục nhập học:** Nhà trường sẽ thông báo và hướng dẫn chi tiết tại: website <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn> và gửi qua email trước ngày 21/8/2024 của thí sinh để thí sinh biết.

**PHỤ LỤC 3****Học phí năm học 2024 – 2025 (dự kiến)**

(Kèm theo Thông báo số: 130 /TB-ĐHTDM-HĐTSĐH ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Học phí thu theo tín chỉ, thực hiện theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

(Đơn vị tính: đồng/tín chỉ)

Stt	Khối ngành	Năm học 2024 - 2025
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên*, Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	705.000
2	Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Dịch vụ xã hội, Môi trường và Bảo vệ môi trường, Nghệ thuật.	675.000
3	Khoa học tự nhiên	760.000
4	Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất và Chế biến, Kiến trúc và xây dựng	820.000

\* **Đối với các ngành sư phạm:** Giáo dục tiểu học; Giáo dục Mầm non học phí thực hiện theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

\* **Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):** Thực hiện theo quy định của Nhà nước.